

DANH SÁCH ĐỀ KIỂM XÉT, CẤP HẸP CÔNG NGHỆ CÔNG NHÂN MỸ THUẬT 2014 - 2015
KHOA TÀI CHÍNH KTOÁN

(Kèm theo thông báo số : 414/TB-TMDL ngày 11 tháng 8 năm 2015)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Báo cáo TN	Điểm thi TN		TBC TTN	Xếp loại	RL	Mức HB	Tiền nhàn
					LTTT	THNN					
1	Nguyễn Thị Phương	23/08/1995	KT48A	9,0	7,5	9,0	8,5	Giỏi	85	Giỏi	2.100.000
2	Phạm Thị Hằng	21/08/1995	KT48A	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi	85	Giỏi	0
3	Bùi Thị Bình	29/12/1995	KT48A	9,0	7,5	7,5	8,0	Giỏi	83	Giỏi	0
4	Nguyễn Thị Cẩm Ngân	30/12/1992	KT48A	9,0	8,0	8,5	8,5	Giỏi	79	Khá	0
5	Nguyễn Thị Thanh Hằng	21/03/1993	KT48A	7,0	9,0	9,0	8,3	Giỏi	79	Khá	0
6	Quàng Thị Mai	05/10/1994	KT48A	8,0	7,5	6,0	7,2	Khá	78	Khá	0
7	Bùi Thị Trinh	10/10/1995	KT48A	5,0	8,5	8,0	7,2	Khá	78	Khá	0
8	Nguyễn Thị Hà	20/01/1989	KT48A	6,0	7,5	7,5	7,0	Khá	78	Khá	0
9	Lưu Thị Lan	10/10/1995	KT48A	8,0	7,0	6,0	7,0	Khá	78	Khá	0
10	Lê Thị Thu Hằng	03/05/1995	KT48A	8,0	7,5	5,5	7,0	Khá	76	Khá	0
11	Lê Thị Thúy	25/11/1995	KT48A	8,0	8,0	5,0	7,0	Khá	76	Khá	0

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2015

**TRƯỜNG HIỆN TRƯỞNG
 PHÒNG CÔNG TÁC HSSV**

(K)

Nguyễn Minh Quang

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ XÉT, CẤP HẸP CÔNG BẰNG CẤP TỈNH NĂM 2014 - 2015
KHOA KINH DOANH THƯƠNG MẠI

(Kèm theo thông báo số : 414/TB-TMDL ngày 11 tháng 8 năm 2015)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Báo cáo TN	Điểm thi TN		TBC TTN	Xếp loại	RL	Mức HB	Tiền nhậm
					LTT	THNN					
1	Vũ Thị Huyền	02/07/1994	KDTM48A	8,0	8,5	8,0	8,2	Giỏi	85	Giỏi	2.100.000
2	Nguyễn Phương Hằng	16/10/1990	KDTM48A	8,0	8,5	8,0	8,2	Giỏi	79	Khá	0
3	Hoàng Diễm Linh	16/01/1993	KDTM48A	8,0	8,5	8,0	8,2	Giỏi	79	Khá	0
4	Phạm Thùy Dung	21/08/1993	KDTM48A	6,0	8,5	8,0	7,5	Khá	79	Khá	0
5	Lê Thị Hạnh	25/11/1992	KDTM48A	6,0	8,0	8,0	7,3	Khá	82	Khá	0
6	Trần Thị Hà	21/02/1993	KDTM48A	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	84	Khá	0

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2015

TRƯỞNG TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG CÔNG TÁC HSSV

(K)

Nguyễn Minh Quang

**DANH SÁCH ĐỀ KIỂM XÉT, CẤP HẸP CÔNG BẰNG CẤP KỲ THI MẪU C 2014 - 2015
 KHOA KHÁCH SẠN DU LỊCH**

(Kèm theo thông báo số : 414/TB-TMDL ngày 11 tháng 8 năm 2015)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Báo cáo TN	Điểm thi TN		TBC TTN	Xếp loại	RL	Mức HB	Tiền nhàn
					LTTT	THNN					
1	Lê Thị Kiều Anh	22/06/1993	KDDL48A	9,0	9,5	8,0	8,8	Giỏi	85	Giỏi	2.100.000
2	Trần Thu Hà	03/11/1992	KDDL48A	8,0	9,5	9,0	8,8	Giỏi	79	Khá	0
3	Phạm Khánh Huyền	21/09/1993	KDDL48A	8,0	9,0	9,0	8,7	Giỏi	78	Khá	0
4	Nguyễn Thị Nho	07/12/1994	KDDL48A	9,0	9,5	7,0	8,5	Giỏi	79	Khá	0
5	Lê Thị Sáu	20/06/1995	KDDL48A	8,0	9,0	8,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
6	Cao Thị Hà	07/07/1994	KDDL48A	9,0	7,5	8,0	8,2	Giỏi	78	Khá	0
7	Hoàng Văn Hùng	02/10/1993	KDDL48A	8,0	9,0	7,0	8,0	Giỏi	78	Khá	0
8	Bùi Thanh Tùng	20/01/1992	KDDL48A	7,0	8,0	8,0	7,7	Khá	78	Khá	0
9	Phạm Xuân Linh	22/11/1995	KDDL48A	9,0	8,5	5,0	7,5	Khá	76	Khá	0
10	Nguyễn Tiến Cường	27/09/1995	KDDL48A	7,0	6,0	8,0	7,0	Khá	78	Khá	0

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2015

**TRƯỜNG HIỆN TRƯỜNG
 TRƯỜNG PHÒNG CÔNG TÁC HSSV**

(K)

Nguyễn Minh Quang

DANH SÁCH ĐỀ KIỂM XÉT, CẤP HẸP CÔNG NGHỆ CHẤM KẾT HỒN MẸC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ CHẤM KẾT

(Kèm theo thông báo số : 414/TB-TMDL ngày 11 tháng 8 năm 2015)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Báo cáo TN	Điểm thi TN		TBC TTN	Xếp loại	RL	Mức HB	Tiền nhân
					LTTT	THNN					
1	L. Anh Tuấn	01/06/1995	CBAU48C	9,0	9,0	9,0	9,0	Xuất sắc	83	Giỏi	2.100.000
2	Nguyễn Thị Phương	27/05/1994	CBAU48C	8,0	9,0	9,0	8,7	Giỏi	81	Giỏi	2.100.000
3	Nguyễn Thị Duyên	09/06/1994	CBAU48A	8,0	9,0	8,0	8,3	Giỏi	85	Giỏi	2.100.000
4	Trần Thị Diệu	07/04/1995	CBAU48C	8,0	8,0	9,0	8,3	Giỏi	85	Giỏi	2.100.000
5	Nguyễn Văn Đức	11/12/1995	CBAU48A	8,0	8,0	9,0	8,3	Giỏi	84	Giỏi	2.100.000
6	Khuất Thị Hồng	28/10/1995	CBAU48A	9,0	8,0	8,0	8,3	Giỏi	83	Giỏi	2.100.000
7	Đặng Thị Linh	23/09/1995	CBAU48A	8,0	9,0	8,0	8,3	Giỏi	82	Giỏi	0
8	Đinh Trọng Cường	24/05/1995	CBAU48B	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi	84	Giỏi	0
9	Nguyễn Thị Ngoan	29/08/1994	CBAU48C	7,0	8,0	9,0	8,0	Giỏi	84	Giỏi	0
10	Phùng Văn Dũng	02/06/1994	CBAU48A	7,0	8,0	9,0	8,0	Giỏi	82	Giỏi	0
11	Lê Thị Tâm	12/02/1994	CBAU48B	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi	79	Khá	0
12	Lê Thị Thảo	01/06/1994	CBAU48B	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi	79	Khá	0
13	Khuất Thị Huyền	07/11/1995	CBAU48A	9,0	8,0	9,0	8,7	Giỏi	78	Khá	0
14	Thành Tín	26/08/1995	CBAU48A	8,0	9,0	9,0	8,7	Giỏi	78	Khá	0
15	Đàm Thị Cẩm Hoàng	15/05/1995	CBAU48A	7,0	9,0	9,0	8,3	Giỏi	79	Khá	0
16	Nguyễn Thị Anh Thư	15/11/1995	CBAU48A	8,0	8,0	9,0	8,3	Giỏi	79	Khá	0
17	Nguyễn Thị Thảo	06/08/1994	CBAU48C	7,0	9,0	9,0	8,3	Giỏi	79	Khá	0
18	V. Minh Dân	01/03/1992	CBAU48A	8,0	8,0	9,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
19	Nguyễn Đình Dũng	17/11/1995	CBAU48A	8,0	8,0	9,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
20	Nguyễn Thị Thanh Huyền	06/04/1994	CBAU48A	8,0	9,0	8,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
21	Nguyễn Thị Kiên	27/08/1990	CBAU48A	9,0	8,0	8,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
22	Lê Minh Tuấn	28/11/1992	CBAU48A	8,0	8,0	9,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
23	Nguyễn Thị Tuyền	24/04/1994	CBAU48B	9,0	9,0	7,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
24	V. Văn Dũng	11/08/1993	CBAU48C	8,0	8,0	9,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
25	Nguyễn Thành Hiệp	10/09/1994	CBAU48C	7,0	9,0	9,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
26	Nguyễn Phúc Thuận	18/02/1994	CBAU48C	8,0	8,0	9,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
27	Kiều Thị Thu	23/02/1995	CBAU48C	8,0	9,0	8,0	8,3	Giỏi	78	Khá	0
28	Phạm Kim Tuyền	28/02/1995	CBAU48C	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi	79	Khá	0
29	Trần Thị Lâm	15/10/1995	CBAU48A	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi	78	Khá	0
30	Quách Văn Lâm	01/04/1994	CBAU48A	7,0	9,0	8,0	8,0	Giỏi	78	Khá	0
31	Phạm Hải Quỳnh	31/10/1995	CBAU48A	7,0	9,0	8,0	8,0	Giỏi	78	Khá	0
32	Nguyễn Minh Thuận	01/09/1995	CBAU48A	7,0	8,0	9,0	8,0	Giỏi	78	Khá	0
33	Nguyễn Văn Thuận	22/01/1994	CBAU48A	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi	78	Khá	0

TT	H và tên	Ngày sinh	L p	Báo cáo TN	i m thi TN		TBC TTN	X p lo i	RL	M c HB	Ti n nh n
					LTTH	THNN					
34	Nguy n Qu c Vi t	16/09/1994	CBAU48A	8,0	7,0	9,0	8,0	Gi i	78	Khá	0
35	Nguy n H i Y n	25/02/1994	CBAU48A	8,0	8,0	8,0	8,0	Gi i	78	Khá	0
36	Hoàng Th H i	28/12/1995	CBAU48C	7,0	9,0	8,0	8,0	Gi i	78	Khá	0
37	Tr n Th Hi n	06/10/1995	CBAU48C	8,0	9,0	7,0	8,0	Gi i	78	Khá	0
38	Duy Hi u	18/09/1995	CBAU48C	7,0	9,0	8,0	8,0	Gi i	78	Khá	0
39	Nguy n V n Vi t	03/09/1993	CBAU48C	8,0	7,0	9,0	8,0	Gi i	78	Khá	0
40	Nguy n Xuân H ng	22/05/1995	CBAU48A	8,0	7,0	8,0	7,7	Khá	80	Khá	0
41	Nguy n Th Ng c	03/05/1995	CBAU48C	7,0	8,0	8,0	7,7	Khá	79	Khá	0
42	Nguy n Nam Chang	30/06/1994	CBAU48A	7,0	7,0	9,0	7,7	Khá	78	Khá	0
43	Lê Th Duy ên	21/09/1994	CBAU48A	8,0	7,0	8,0	7,7	Khá	78	Khá	0
44	Nguy n H u Giáp	02/05/1994	CBAU48A	7,0	8,0	8,0	7,7	Khá	78	Khá	0
45	Hoàng Ng c Phúc	19/02/1994	CBAU48A	7,0	8,0	8,0	7,7	Khá	78	Khá	0
46	Mai Ng c D ng	11/08/1995	CBAU48B	6,0	9,0	8,0	7,7	Khá	78	Khá	0
47	c ông	17/01/1993	CBAU48B	8,0	7,0	8,0	7,7	Khá	78	Khá	0
48	Lê Th Nga	14/06/1994	CBAU48B	7,0	8,0	8,0	7,7	Khá	78	Khá	0
49	Hoàng Th Nhung	24/04/1995	CBAU48B	8,0	8,0	7,0	7,7	Khá	78	Khá	0
50	Nguy n Thùy Linh	18/09/1995	CBAU48C	8,0	7,0	8,0	7,7	Khá	78	Khá	0
51	Nguy n Xuân Tr ng	01/08/1995	CBAU48C	8,0	7,0	8,0	7,7	Khá	78	Khá	0
52	Nguy n Th Hi n	20/04/1995	CBAU48A	8,0	7,0	7,0	7,3	Khá	78	Khá	0
53	M c ng Quân	20/04/1993	CBAU48A	7,0	7,0	8,0	7,3	Khá	78	Khá	0
54	Nguy n V n To n	07/09/1994	CBAU48A	7,0	7,0	8,0	7,3	Khá	78	Khá	0
55	V n Tu n	24/10/1992	CBAU48A	6,0	8,0	8,0	7,3	Khá	78	Khá	0
56	Ph m Khánh Duy	18/02/1995	CBAU48B	5,0	9,0	8,0	7,3	Khá	78	Khá	0
57	Lê Th Hà	20/06/1995	CBAU48B	8,0	7,0	7,0	7,3	Khá	78	Khá	0
58	Ph m Th H ã	02/01/1994	CBAU48B	7,0	8,0	7,0	7,3	Khá	78	Khá	0
59	Nguy n Th Ph ng Loan	11/08/1995	CBAU48B	8,0	7,0	7,0	7,3	Khá	78	Khá	0
60	Tr n Th Mai	07/08/1995	CBAU48B	7,0	7,0	8,0	7,3	Khá	78	Khá	0
61	Lê Th Nga	15/06/1993	CBAU48B	6,0	8,0	8,0	7,3	Khá	78	Khá	0
62	ng Th Trang	15/01/1995	CBAU48B	6,0	8,0	8,0	7,3	Khá	78	Khá	0
63	Hà nh Huân	17/09/1991	CBAU48C	8,0	8,0	6,0	7,3	Khá	78	Khá	0
64	Tr n V n Hùng	19/03/1994	CBAU48C	7,0	7,0	8,0	7,3	Khá	78	Khá	0
65	Tr n Th Lành	05/11/1994	CBAU48C	8,0	6,0	8,0	7,3	Khá	78	Khá	0
66	Nguy n Huy Nam	23/08/1994	CBAU48C	8,0	7,0	7,0	7,3	Khá	78	Khá	0
67	Hoàng Minh Quang	28/12/1991	CBAU48C	7,0	8,0	7,0	7,3	Khá	78	Khá	0
68	Nguy n c Th	24/10/1995	CBAU48C	7,0	7,0	8,0	7,3	Khá	78	Khá	0
69	Lê Ng c C ng	17/07/1995	CBAU48A	7,0	7,0	8,0	7,3	Khá	76	Khá	0
70	Ngô Xuân Thái	24/12/1995	CBAU48A	6,0	8,0	8,0	7,3	Khá	76	Khá	0
71	Nguy n Th Nhung	22/01/1994	CBAU48C	7,0	7,0	8,0	7,3	Khá	76	Khá	0
72	Nguy n Duy M nh	10/01/1995	CBAU48B	5,0	8,0	8,0	7,0	Khá	78	Khá	0
73	ng Th Qu nh	26/05/1995	CBAU48B	6,0	8,0	7,0	7,0	Khá	78	Khá	0

TT	Họ và tên	Ngày sinh	L p	Báo cáo TN	Điểm thi TN		TBC TTN	X p lo i	RL	M c HB	Ti n nh n
					LTTH	THNN					
74	V n Th c	19/11/1994	CBAU48B	8,0	8,0	5,0	7,0	Khá	78	Khá	0
75	ng nh t	07/02/1995	CBAU48C	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	76	Khá	0
76	Hoàng H ng Giang	12/10/1994	CBAU48C	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	78	Khá	0
77	Nguy n V n Hi p	27/02/1995	CBAU48C	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	78	Khá	0
78	Tr n Vi t Hùng	24/06/1993	CBAU48C	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	78	Khá	0
79	Nguy n Bá Tr ng	13/09/1995	CBAU48B	5,0	7,0	9,0	7,0	Khá	76	Khá	0
80	L Ti n Côn	14/05/1992	CBAU48C	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	76	Khá	0
81	Nguy n V n Thái	14/03/1994	CBAU48C	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	76	Khá	0
82	Mai Xuân Thông	14/03/1995	CBAU48C	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	76	Khá	0
83	Nguy n M nh Th ng	15/09/1994	CBAU48C	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	76	Khá	0
84	Nguy n V n Trung	05/10/1993	CBAU48C	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	76	Khá	0
85	ng V n Vi t	11/07/1995	CBAU48C	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá	76	Khá	0

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2015

TL.HI U TR NG
TR NG PHÒNG CÔNG TÁC HSSV

(k)

Nguy n nh Quang